

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2018/QĐDS-ST

Ngày: 17-7-2018

V/v: Yêu cầu chấm dứt
việc nuôi con nuôi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Đức Cường - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-VDS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp số 02/2018/QĐPH-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm T1, sinh năm 1963;
- Bà Trần Thị O, sinh năm 1969;
- Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1960;
- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1963;

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định, có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Minh H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Minh H:

Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1960, là bố nuôi và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1963, là mẹ nuôi.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Trong đơn yêu cầu, các bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu là ông Phạm T1, bà Trần Thị O, ông Phạm Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Vào năm 2003, lúc đó bà O đang làm giáo viên mầm non, bà đã sinh con thứ ba đặt tên là Phạm Minh H. Để không bị ảnh hưởng đến công tác của mình, bà O có bàn với chồng là ông T1 cho cháu H làm con nuôi vợ chồng anh trai bên nhà chồng là ông T2 và bà T3. Hai bên đã làm thủ tục cho và nhận con nuôi, được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L ra Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2009, công nhận ông Phạm Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 là cha mẹ nuôi của cháu Phạm Minh H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003. Trên thực tế, cháu H vẫn sống với cha mẹ đẻ là ông T1 và bà O từ đó cho đến nay.

Đề thuận tiện cho lý lịch tư pháp sau này, ông T1, bà O và ông T2, bà T3 cùng thống nhất yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi của vợ chồng ông T2, bà T3 đối với cháu H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Phạm Minh H trình bày: Cháu có biết việc vào năm 2009, cháu làm con nuôi của vợ chồng ông T2 và bà T3 nhưng cháu vẫn sống cùng với bố mẹ đẻ từ lúc sinh ra cho đến bây giờ.

Ngoài ra, người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên họp và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 13, khoản 4 Điều 25, các khoản 1 và 3 Điều 26, Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của ông T1, bà O và ông T2, bà T3 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định nhận định:

- Về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 của Luật Nuôi con nuôi, yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ông T1 và bà O là cha mẹ đẻ, ông T2 và bà T3 là cha mẹ nuôi có quyền yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 26 của Luật Nuôi con nuôi.

- Vào năm 2003, vợ chồng ông T1 và bà O sinh con thứ ba đã vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, thời điểm đó được quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con. Vi phạm khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh dân số năm 2003, được sửa đổi năm 2008, quy định về quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình “*Sinh một hoặc hai con, trừ trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định*”, vợ chồng ông T1, bà O sinh con thứ ba nhưng không thuộc trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định.

Do vậy, việc xác lập quan hệ nuôi con nuôi theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, đã vi phạm hành vi bị cấm là lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số, được quy định tại khoản 4 Điều 13 của Luật Nuôi con nuôi hiện hành.

Từ nhận định trên, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 13, khoản 4 Điều 25, các khoản 1 và 3 Điều 26 của Luật Nuôi con nuôi, với yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông T1, bà O, ông T2 và bà T3 là có căn cứ để chấp nhận yêu cầu.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ và con được thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về lệ phí sơ thẩm: Ông T1, bà O, ông T2 và bà T3 phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1, Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 13, khoản 4 Điều 25, các khoản 1 và 3 Điều 26, Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm T1, bà Trần Thị O, ông Phạm Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi ông Phạm Văn T2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1960 và mẹ nuôi bà Nguyễn Thị T3, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1963 đối với con nuôi là Phạm Minh H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2003 (tại Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định).

Quyền, nghĩa vụ giữa cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông T1, bà O, ông T2 và bà T3 phải nộp 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số BB/2016/0000886 ngày 06 tháng 6 năm 2018, ông T1, bà O, ông T2 và bà T3 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND thị trấn M;
- Lưu: VP, hồ sơ VDS.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường